

TRIẾT HỌC PHÁP LUẬT - ĐỊNH HƯỚNG NGHIÊN CỨU VÀ ĐÀO TẠO MỚI Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

VÕ KHÁNH VINH*

Trong chiều dài phát triển nhiều thế kỷ, triết học pháp luật đã chiếm giữ vị trí rất rõ trong các trường đại học ở phương Tây. Tuy nhiên, ở nước ta, triết học pháp luật chưa được nghiên cứu và giảng dạy với tư cách một môn khoa học và một môn học. Trong quá trình đổi mới và hình thành nền tảng pháp luật và Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, cần phải có nhận thức ở mức độ, tầm triết học về pháp luật; do đó, cần thiết phải nghiên cứu triết học pháp luật để đưa môn học này vào chương trình giảng dạy, trước hết là trong hệ thống đào tạo triết học và luật học ở nước ta.

Từ khóa: Triết học pháp luật, triết học, pháp luật, khoa học.

Ngày nhận bài: 01/12/2022; Biên tập xong: 10/12/2022; Duyệt đăng: 12/12/2022

Over the years, the philosophy of law (jurisprudence) has played a prominent role in the Western universities. However, in Vietnam, it has not been studied and taught as a science and as a subject. In the process of renewing and forming the legal foundation and the socialist rule of law State of Vietnam, we need to aware philosophy of law and its level. Therefore, studying philosophy of law to add this subject in our curriculum, first of all, in the philosophy and jurisprudence training system is a necessary requirement.

Keywords: Philosophy of law, philosophy, law, science.

Đặt vấn đề

Sự nghiệp đổi mới, phát triển đất nước không thể được tiến hành nếu thiếu các nền tảng pháp luật. Ngày nay, pháp luật là trung tâm của việc thảo luận tất cả những vấn đề có ý nghĩa về mặt xã hội. Điều đó nói lên nhu cầu cấp thiết của việc thâm nhập một cách sâu sắc vào bản chất của hiện tượng phức tạp đó – pháp luật trên cơ sở tư duy triết học về nó. Tư duy triết học về pháp luật đòi hỏi phải có cái nhìn về pháp luật không đơn giản như về một chế định xã hội và phương tiện để thực hiện các mục tiêu chính trị mà như về một thể giới phức tạp, hiện thực đa phương diện với các quy luật, cơ cấu và logic phát triển của mình, phân biệt nó với các lĩnh vực khác của tồn tại người. Triết học pháp luật,

bắt đầu từ sự xuất hiện các tư tưởng về bản chất khách quan không tùy thuộc vào sự xét đoán mang tính quyền lực chính thức và ý nghĩa của pháp luật, có nhiệm vụ làm sáng tỏ đặc trưng đó của pháp luật.

1. Đối tượng nghiên cứu và ý nghĩa của triết học pháp luật

Hiểu biết triết học về pháp luật là nhiệm vụ của triết học pháp luật với tư cách là môn khoa học và môn học đặc biệt. Môn khoa học và môn học này có đối tượng nghiên cứu và bộ máy khái niệm riêng của mình. Triết học pháp luật là khoa học có từ thời cổ đại, có lịch sử phát triển uyên bác; nó đã được thể hiện trong các tác phẩm của Platon và Aristotel, được phát

** Giáo sư, Tiến sĩ, Nguyên Phó Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam*

triển vượt bậc ở Tây Âu vào các thế kỷ XVII - XVIII và tiếp tục phát triển trong hệ thống hiểu biết nhân văn của thời đại ngày nay. Ở nước ta, từ trước đến nay triết học pháp luật chưa được quan tâm nghiên cứu một cách cơ bản, hệ thống, chưa được đưa vào chương trình đào tạo ở bậc đại học và sau đại học của ngành luật học cũng như của ngành triết học. Đây là sự chậm trễ cần được sớm khắc phục. Chúng tôi cho rằng, các nhà luật học và các nhà triết học nước ta cần hợp lực nghiên cứu những vấn đề của triết học pháp luật và phải đưa triết học pháp luật vào chương trình đào tạo của ngành luật học, ngành triết học.

1.1. Về đối tượng nghiên cứu của triết học pháp luật

Trong lịch sử tư tưởng triết học pháp luật, có nhiều cách tiếp cận đến việc xác định triết học pháp luật và đối tượng nghiên cứu của nó. Chẳng hạn, G. Hêgen coi triết học pháp luật là khoa học về pháp luật, có đối tượng nghiên cứu là tư tưởng của pháp luật. Nhà triết học người Nga S. Frank cho rằng, triết học pháp luật là học thuyết về lý tưởng xã hội.

Trong triết học pháp luật đương đại, đối tượng nghiên cứu của nó cũng được xác định theo những cách khác nhau, từ cách hiểu rộng nhất cho đến cách hiểu hẹp nhất. Chẳng hạn, nhà triết học pháp luật người Nga V. Nersesyanc đưa ra quan điểm rộng về đối tượng nghiên cứu của triết học pháp luật. Theo ông, “triết học pháp luật nghiên cứu ý nghĩa, bản chất của pháp luật, khái niệm pháp luật, nền tảng và vị trí của nó trong thế giới, giá trị, tầm quan trọng và vai trò của nó trong đời sống của con người, của xã hội và của Nhà nước, trong số phận của các dân tộc và xã hội loài người”¹. Nhà triết học pháp luật

người Ý N. Bobbio đưa ra quan điểm hẹp về đối tượng nghiên cứu của triết học pháp luật. Theo đó, công bằng được coi là vấn đề nghiên cứu duy nhất của triết học pháp luật nên nó là đối tượng nghiên cứu của triết học pháp luật ².

Việc hiện có sự đa dạng các cách tiếp cận đến đối tượng nghiên cứu của triết học pháp luật là hợp quy luật, bởi việc xác định đối tượng đó bao hàm việc làm sáng tỏ mối quan hệ của nhà nghiên cứu đến cả triết học và pháp luật. Cũng có thể giả định rằng, sở dĩ có nhiều cách tiếp cận đến đối tượng nghiên cứu của triết học pháp luật là do có nhiều hệ thống triết học, còn việc làm sáng tỏ đối tượng nghiên cứu của triết học pháp luật không thể thiếu được việc xác định rõ ràng quan điểm của nhà nghiên cứu đối với chính hiện tượng pháp luật, tức là hiện tượng riêng có và cần được nghiên cứu.

Để giải quyết vấn đề này, chúng tôi cho rằng cần xuất phát từ chính khái niệm triết học. Triết học pháp luật là triết học chuyên ngành – ngành triết học có đối tượng nghiên cứu không phải là toàn bộ thế giới nói chung, không phải cái đang tồn tại như nó có, mà chỉ là một phần trong toàn bộ cái tồn tại, đó là pháp luật. Tuy nhiên, do triết học pháp luật là triết học, cho dù là triết học chuyên ngành thì nó vẫn phải có tất cả những đặc trưng của triết học nói chung. Điều đó có nghĩa là đối tượng nghiên cứu của triết học pháp luật tương tự như đối tượng nghiên cứu của triết học.

Do đó, nếu như triết học chung là học thuyết về những nền tảng tối đa của sự tồn tại của nhân loại, thì tương ứng,

tiếng Nga).

¹ V. Nersesyanc B.C., *Triết học pháp luật: Giáo trình dành cho các trường đại học*. Mátxcova, 1988, tr.7 (bản

² Dmehture S., Về vai trò của triết học pháp luật trong nghiên cứu luật học ở Ý. *Tạp chí Nhà nước và Pháp luật*. Mátxcova, 1995, số 1, tr. 138 (bản tiếng Nga).

triết học pháp luật cũng có thể được định nghĩa với tư cách là học thuyết về những nền tảng tối đa của pháp luật với tư cách là một trong những phương thức tồn tại của nhân loại. Sử dụng cách tiếp cận của I. Kant trong việc xác định đối tượng nghiên cứu của triết học chung bằng cách trả lời các câu hỏi: 1) Tôi có thể hiểu biết được cái gì?; 2) Tôi cần phải làm cái gì?; 3) Tôi dám tin tưởng vào cái gì?; 4) Con người là gì?³, có thể xác định đối tượng nghiên cứu của triết học pháp luật bằng cách đặt ra những vấn đề sau đây: 1) Chúng ta có thể hiểu pháp luật là gì?; 2) Chúng ta có thể làm gì để phù hợp với các đòi hỏi của pháp luật và vì sao?; 3) Chúng ta có thể tin tưởng vào cái gì trong trường hợp tuân thủ hoặc vi phạm các đòi hỏi đó? Đến lượt mình, tất cả những vấn đề đó có thể dẫn đến một vấn đề khái quát: *Con người pháp luật là như thế nào hoặc pháp luật với tư cách là một phương thức tồn tại của nhân loại là gì?* Trả lời được những câu hỏi đó cho phép chúng ta làm sáng tỏ được bản chất của hiện tượng pháp luật và đối tượng của triết học pháp luật.

1.2. Về tính tất yếu của triết học pháp luật

Tuy các nghiên cứu triết học pháp luật có lịch sử lâu đời và phong phú và triết học pháp luật đã có được những thành tựu không thể tranh cãi trong sự phát triển của luật học, nhưng tính tất yếu tồn tại của nó với tư cách là một lĩnh vực nhận thức lý luận độc lập chưa phải là sự kiện hiển nhiên đối với tất cả những người nghiên cứu ở nước ta. Có nhiều luận giải về tính tất yếu của triết học pháp luật, trong đó cần nói đến hai luận giải quan trọng sau đây: *Luận giải về lịch sử và luận*

giải về tính cấp bách.

Luận giải trên phương diện lịch sử về tính tất yếu của triết học pháp luật được dựa trên sự việc không thể tranh cãi rằng, vấn đề đó bao giờ cũng làm cho xã hội loài người quan tâm trong suốt thời gian tồn tại của mình. Nghiên cứu triết học pháp luật làm thỏa mãn một cách tự nhiên nhu cầu thường xuyên không từ bỏ được của tinh thần nhân loại. Nhu cầu đó được thể hiện trong sự lo lắng thường xuyên của mọi người về cái gì là công lý, sự thật chân chính, cái gì cần phải có trong đời sống xã hội, đời sống nhà nước, đời sống con người.

Luận giải về tính cấp bách của triết học pháp luật được dựa trên việc làm sáng tỏ phương diện của pháp luật mà việc nhận thức phương diện đó chỉ có thể có được với sự trợ giúp của cách tiếp cận triết học.

Câu hỏi đặt ra: Phương diện nào của pháp luật, đặc điểm bản chất nào của nó mà với tính tất yếu đòi hỏi phải có cách tiếp cận triết học pháp luật? Rõ ràng, điều đó được quyết định bởi bản chất tiềm tàng, ẩn giấu của chính hiện tượng pháp luật. Pháp luật là một trong những khách thể phức tạp, khó khăn nhất của nhận thức và không tự mở ra những điều bí mật của mình cho nhà nghiên cứu. Sự tiến bộ không ngừng của luật học trong những thập kỷ gần đây trên phạm vi toàn thế giới và ở nước ta, việc từng bước nâng cao vai trò, vị trí của pháp luật, của giáo dục pháp luật và văn hóa pháp luật của nhân dân nói chung - tất cả những điều đó không làm giảm tính thời sự của vấn đề nghiên cứu đã được đặt ra. Ngược lại, chính ở vị trí của vấn đề pháp luật đã được người nghiên cứu giải quyết lại xuất hiện những vấn đề mới, và việc người nghiên cứu vươn tới để đạt được đỉnh cao trong khoa học pháp lý lại mở ra trong khoa học

³ Kant U., *Những bản luận văn và những bức thư*, Mátxcova, 1980, tr 331 – 336 (bản tiếng Nga).

những triển vọng chưa từng được biết đến dưới dạng những câu hỏi, những vấn đề, những bí mật vô tận. Hiểu biết khoa học đang phát triển về hiện tượng pháp luật có thể được hiểu như là lĩnh vực gia tăng một cách vô tận về quy mô của mình: Khối lượng hiểu biết lĩnh vực đó càng nhiều hơn, điều đó cũng có nghĩa là ở bề mặt của nó có nhiều điểm liên quan đến cái chưa được nhận thức. Tương ứng với điều đó, có nghịch lý của nhận thức: Chúng ta càng hiểu biết nhiều về pháp luật thì càng có nhiều điều bí mật nảy sinh trước nhà nghiên cứu. Như vậy, lĩnh vực nghiên cứu triết học pháp luật nằm ở giao điểm của những điều bí mật đó và nhiệm vụ của triết học pháp luật là làm sáng tỏ những điều bí mật đó.

Nguồn gốc của tính tiềm tàng, tính ẩn giấu của pháp luật được thể hiện ở đâu? Đặc điểm đặc trưng đó của pháp luật xuất phát từ mối liên hệ trực tiếp của nó với tồn tại người, với bản chất, hoạt động của nó và hàm chứa trong mình các đặc điểm của mọi hiện tượng văn hóa. Như đã biết, con người là khách thể nghiên cứu bí ẩn nhất. Nhưng khách thể đó do chính con người mới có thể nhận thức được, chứ không ai khác.

Tương tự, cả trong con người, chúng ta phân biệt ra thực thể tự nhiên và tinh thần, lẫn trong tất cả các hiện tượng văn hóa, chúng ta tìm kiếm hình thức vật chất và bản chất tư tưởng, tinh thần. Trong pháp luật, chúng ta cũng tìm thấy mặt vật chất và mặt tinh thần đó, xét về mặt lịch sử, các tên gọi “pháp luật thực chứng” và “pháp luật tự nhiên” được ghi nhận. Sử dụng những cụm từ đó có thể là chưa hoàn toàn đạt lắm, nhưng chúng đã được hình thành và ghi nhận về mặt lịch sử, phản ánh cơ cấu của hiện tượng đó.

Trong triết học pháp luật, cái gì được

hiểu là pháp luật thực chứng và cái gì được hiểu là pháp luật tự nhiên? Pháp luật thực chứng được hiểu là hệ thống các quy phạm pháp luật hiện hành, các quan hệ xã hội và các quyết định xét xử. Còn pháp luật tự nhiên, thông thường được hiểu là những nền tảng, cơ sở tư tưởng đầu tiên, xuất phát điểm của pháp luật. Khái niệm “pháp luật tự nhiên” thể hiện bản chất sâu sắc của pháp luật, còn “tính tư tưởng” của nó được thể hiện ở chỗ: *Thứ nhất*, pháp luật tự nhiên tồn tại trong ý thức (ý thức pháp luật) với tư cách là mục tiêu của nó (cho dù được thể hiện dưới những hình thức hành vi); *thứ hai*, thể hiện với tư cách là tư tưởng, tức là hình thức đã được khước sạch cái ngẫu nhiên, cái cần phải có, tất yếu trong quan hệ giữa mọi người.

Ngoài ra, pháp luật tự nhiên còn xác định các nguyên tắc xuất phát điểm mà dựa vào đó, các quy phạm pháp luật hiện hành được ban hành (trong mọi trường hợp cần phải được thông qua) và trên cơ sở đó, việc đánh giá các quy phạm đó được tiến hành. Việc đánh giá này dựa trên nền tảng thứ bậc các giá trị mà triết học pháp luật đưa ra trong quá trình giải quyết mối quan hệ của con người với thế giới xung quanh, trong đó có quan hệ giá trị. Việc đánh giá mang tính chất phê phán thể hiện thái độ của con người đối với các quy phạm pháp luật là rất cần thiết đối với trật tự pháp luật hiện thực để con người không trở thành nạn nhân của nó. Đương nhiên, thái độ phê phán của cá nhân đối với trật tự pháp luật đang tồn tại không đồng nghĩa với thái độ coi thường pháp luật hiện hành và hơn thế nữa càng không cho phép việc vi phạm pháp luật.

Từ đây có thể rút ra kết luận rằng, với tư cách là một lĩnh vực hoạt động của con người, pháp luật gắn liền và chặt chẽ với triết học. Những vấn đề mang tính nền tảng của pháp luật như công lý, công

bằng, tự do, bình đẳng, lỗi, trách nhiệm và những vấn đề khác đồng thời là những vấn đề triết học quan tâm nhất. Việc giải quyết chúng có nguồn gốc sâu xa trong việc giải quyết những vấn đề triết học cơ bản về bản chất của con người và ý nghĩa cuộc sống của nó, về cơ cấu nhân học của thế giới và các phương thức nhận thức về thế giới. Như vậy, theo tinh thần của chính mình, pháp luật là triết học, đó là “triết học trong thực tiễn”. Tương ứng điều đó, đòi hỏi phải có “triết học trong lý luận” và triết học pháp luật thực hiện vai trò của nó.

1.3. Ý nghĩa của triết học pháp luật đối với việc đào tạo các nhà luật học tương lai

Có thể khẳng định, khả năng nhận thức được tư tưởng nhân đạo cao nhất trong hoạt động của mình, khả năng luận giải về mặt triết học quan điểm lý luận và quyết định thực tiễn được thông qua là dấu hiệu thể hiện tính nghề nghiệp chuyên môn cao và tính trung thực công dân của nhà luật học. Sự luận giải này, đặc biệt trong việc đưa ra các quyết định thực tiễn không phải bao giờ cũng được nhận thức đầy đủ nhưng ở một mức độ đáng kể. Sự luận giải đó được quyết định bởi các mục tiêu, định hướng thế giới quan của các nhà luật học và triết học pháp luật có ảnh hưởng lớn đến sự hình thành thế giới quan đó. Mọi dự định giải quyết các vấn đề lý luận mang tính nền tảng của luật học mà thiếu sự luận giải về triết học thường sẽ dẫn đến sự tương đối hóa hoặc giáo điều hóa những vấn đề đó. Những ai có suy nghĩ bỏ qua việc luận giải về mặt triết học vai trò, chức năng của pháp luật, của hệ thống pháp luật thì trong hiện thực cũng phải tuân thủ một cách vô thức triết học sơ lược, riêng của mình và như vậy có nguy cơ kết thúc bằng những sự phiêu lưu trong bóng tối của mâu thuẫn pháp luật.

Như vậy, sự cần thiết của việc các sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh ngành luật nghiên cứu, được đào tạo về triết học pháp luật được quyết định trước hết bằng các nhu cầu nghề nghiệp trong tương lai của họ. Việc nghiên cứu triết học pháp luật ở một mức độ đáng kể tạo điều kiện cho việc hình thành nên nền tảng vững chắc đối với quá trình đào tạo các nhà luật học tương lai, phát triển họ với tư cách là những công dân có tư duy độc lập, sáng tạo, đầy trách nhiệm về chính trị. Triết học pháp luật, do vậy, không chỉ là một bộ phận trong chương trình đào tạo các nhà luật học, mà sự tồn tại, phát triển và giảng dạy về nó gắn liền chặt chẽ với nhiệm vụ quan trọng hơn là đào tạo được nhà luật học với tư cách là người công dân và người công dân với tư cách là người phê phán pháp luật.

Quan điểm nói trên luận giải một cách đầy đủ, rõ ràng vị trí và ý nghĩa mang tính nền tảng của triết học pháp luật trong hệ thống các khoa học pháp lý, các khoa học nhân văn khác và trong hệ thống các môn học có đối tượng nghiên cứu là pháp luật và Nhà nước. Quan điểm đó cũng lý giải vì sao trong các trường đại học ở các nước phát triển, môn học triết học pháp luật đã được giảng dạy nhiều thế kỷ qua.

Triết học pháp luật không đặt ra cho mình mục đích giải quyết những vấn đề cụ thể của luật học mà chỉ giúp người nghiên cứu – nhà luật học nhận thức rõ ràng nhất quan điểm của chính mình, trật tự hóa sự hiểu biết, có cái nhìn mới về đối tượng nghiên cứu của mình dưới lăng kính của cách tiếp cận rộng hơn. Như vậy, tất cả những vấn đề trung tâm, nền tảng của luật học được giải quyết hoặc ít nhất được luận giải ở trình độ triết học. Chính ở đó thể hiện một trong “những điều bí ẩn” của hiện tượng pháp luật, và chính điều này xác định vai trò nền tảng

của triết học pháp luật trong hệ thống luật học với tư cách là môn học mang tính chất phương pháp luận chung.

Tuy vậy, điều đó cũng không có nghĩa là kêu gọi các nhà luật học từ bỏ các phương pháp nghiên cứu đặc trưng của luật học và thay thế chúng bằng các phương pháp triết học. Cần phải nhận thức được một cách sâu sắc định mệnh và các khả năng của các phương pháp triết học.

1.4. Bản chất và các đặc điểm của cách tiếp cận triết học về pháp luật

Để làm sáng tỏ đặc trưng của triết học pháp luật với tư cách là môn học lý luận đặc biệt, cần phải làm sáng tỏ bản chất và các đặc điểm của cách tiếp cận triết học về pháp luật.

Mọi người đều biết rằng, khi xác định đối tượng nghiên cứu của mình, mọi khoa học thường bỏ sang một bên vấn đề về vị trí của đối tượng của khoa học đó trong bức tranh chung của thế giới và về mối quan hệ của nó với bản chất của con người.

Do đó, có thể coi *đối tượng nghiên cứu của triết học pháp luật là những nền tảng tối đa không mang tính pháp lý của pháp luật*. Những nền tảng được làm sáng tỏ đó là những nền tảng nhận thức, giá trị, xã hội và nhân học. Còn lý luận pháp luật chủ yếu là lý luận về pháp luật thực chứng. Chính trong lĩnh vực lý luận pháp luật “các khái niệm pháp luật chung” được phát triển – những khái niệm được tổng kết, khái quát từ kinh nghiệm của các ngành pháp luật cụ thể. Các khái niệm như “đạo luật”, “quan hệ pháp luật”, “chủ thể pháp luật”, “nghĩa vụ pháp lý”, “quyền chủ thể”, “hợp đồng”, “trách nhiệm” và các khái niệm khác là kho tàng khái niệm của lý luận pháp luật. Đó là những cấu trúc của luật học thực chứng, là “bộ khung khái niệm” của nó. Nhờ có các khái niệm đó

mà hệ thống quy phạm và bộ máy khái niệm của luật học nói chung được hình thành, trật tự hóa. Dù trong phân tích về các nền tảng của pháp luật, triết học pháp luật có thể sử dụng các khái niệm của khoa học thực chứng về pháp luật, nhưng nó có cả các phạm trù riêng của mình như: “tư tưởng của pháp luật”, “ý nghĩa của pháp luật”, “mục tiêu của pháp luật”, “công bằng”, “tự do”, “bình đẳng”, “sự công nhận”, “sự tự trị của cá nhân”, “quyền con người” và các phạm trù khác.

Pháp luật thực chứng tự mình không phải là đối tượng nghiên cứu của triết học pháp luật. Triết học pháp luật quan tâm đến pháp luật thực chứng chỉ trong mối quan hệ với pháp luật tự nhiên, từ quan điểm của pháp luật tự nhiên mà pháp luật thực chứng được đánh giá. Trong trường hợp này, khi đánh giá pháp luật thực chứng, pháp luật tự nhiên dường như đóng vai trò “pháp luật trong pháp luật”. Nhờ có mối quan hệ và đánh giá như vậy mà pháp luật thực chứng được hợp thức hóa, thể chế hóa (được luật hóa) và đồng thời bị hạn chế trong các đòi hỏi của mình. Nói chung, đối tượng nghiên cứu của triết học pháp luật có mối quan hệ với khái niệm “pháp luật thực chứng” nhưng cần phải khẳng định tính có điều kiện của sự phân định ranh giới đó. Khẳng định chính xác hơn là triết học pháp luật nghiên cứu “thế giới pháp luật” (“hiện thực pháp luật” với tư cách là sự tương tự triết học của khái niệm “hệ thống pháp luật”) trong tính chỉnh thể và tính tổng thể của nó, nội dung ý nghĩa của nó. Ở đây, hiện thực pháp luật được hiểu là tổng thể các hiện tượng pháp luật: Các quy phạm, các chế định pháp luật, các quan hệ pháp luật đang tồn tại, các quan niệm pháp luật, các hiện tượng mang tính chất pháp luật và những vấn đề khác.

1.5. Ý nghĩa triết học và nhận thức khoa học của pháp luật

Đặc trưng của triết học pháp luật với tư cách là một môn khoa học độc lập được thể hiện ở sự khác nhau giữa ý nghĩa triết học của pháp luật và nhận thức khoa học về nó.

Sự khác nhau về phương pháp thể hiện chính ở lĩnh vực khác biệt về ý nghĩa và chức năng của các khái niệm “giải thích” và “nhận thức”. Mọi khoa học cụ thể, trong đó có luật học, đều coi các đối tượng nghiên cứu của mình như là khách thể ở ngoài chủ thể nhận thức và tương tự như vậy đối lập với đối tượng nghiên cứu. Khi đó, trong trường hợp này, khách thể đang được nhận thức được coi là sự thật như nó đang tồn tại trong hiện thực. Mong muốn có được sự nhận thức, sự hiểu biết ý nghĩa sâu sắc của các giá trị và tư tưởng cần phải có, triết học phát hiện ra thế giới như nó cần phải có. Thế giới của các giá trị và ý nghĩa đã được hoàn thiện đó đem đến cho con người động lực làm thay đổi tồn tại, bởi lẽ cái đó cần phải như vậy, được con người tiếp nhận với tư cách là cái có ý nghĩa trong mối quan hệ với cái đang tồn tại trong hiện thực. Do vậy, khi nghiên cứu các quy luật hình thành và phát triển của pháp luật thực chứng, luật học mô tả pháp luật như *cái nó đang có*, còn triết học pháp luật mô tả pháp luật như *cái nó cần phải có*. Trên cơ sở của quy phạm pháp luật lý tưởng đó, triết học pháp luật đưa ra đánh giá về hiện tượng pháp luật đang tồn tại.

Thực ra, triết học pháp luật không đơn giản chỉ mong muốn luận giải hiện thực pháp luật đối lập lại với con người, mà còn nhận thức nó. Chúng ta cần hiểu rằng hình thức logic, lợi ích kinh tế và các quan điểm giá trị đạo đức cùng tồn tại với nhau trong kinh nghiệm pháp lý; chúng gắn chặt với nhau đến nỗi không thể đưa

ra được vấn đề về mối quan hệ lẫn nhau giữa chúng và điều đó càng chứng minh rằng cái gì đó chung cần phải có và tất yếu phải có. Từ đây cho thấy rằng chỉ có bằng tri giác triết học chân chính về các quan hệ đời sống mới có thể đạt được mục đích nhận thức.

Từ phân tích trên có thể hiểu, *triết học pháp luật là học thuyết triết học về pháp luật, luận giải những vấn đề nảy sinh trong lĩnh vực pháp luật bằng phương pháp của triết học. Đối tượng nghiên cứu của triết học pháp luật, trước hết là làm sáng tỏ ý nghĩa của pháp luật, cũng như lập luận về sự nhận thức ý nghĩa đó*. Định nghĩa đó không bao quát hết tất cả tính đa dạng của vấn đề được triết học pháp luật nghiên cứu nhưng cho phép tập trung đến tư tưởng cốt lõi của nó, tư tưởng gắn liền với quan niệm về pháp luật với tư cách là phương thức tồn tại của nhân loại.

2. Triết học pháp luật trong hệ thống triết học và luật học

2.1. Những cách hình thành nên triết học pháp luật

Có hai cách hình thành nên triết học pháp luật. Theo địa vị của mình, triết học pháp luật là môn học tổng hợp và giáp ranh nằm ở điểm giao giữa triết học và luật học. Tình tiết này đòi hỏi phải xác định rõ ràng vị trí và vai trò của triết học pháp luật trong hệ thống triết học và luật học. Lời giải cho những vấn đề của triết học pháp luật có thể đưa ra từ hai mặt đối lập: Từ triết học đến pháp luật và từ pháp luật đến triết học.

Cách tiếp cận thứ nhất (Từ triết học đến pháp luật) gắn liền với việc truyền bá quan điểm triết học này hay quan điểm triết học khác đến lĩnh vực pháp luật. Cách tiếp cận như vậy của triết học về sự hiểu biết hiện thực pháp luật, đặc biệt đặc trưng cho thời kỳ phục hưng là rất hữu ích đối

với chính triết học. Như đã biết, trong số các thành tựu đã đạt được của triết học cổ điển, có nhiều thành tựu là kết quả của cách tiếp cận đó. Sức mạnh nhận thức của quan điểm triết học này hay quan điểm triết học khác, tính có căn cứ thực tiễn của nó ở một trong những lĩnh vực quan trọng nhất của nhân loại được kiểm chứng một cách đặc thù trong lĩnh vực triết học pháp luật. Đó là cơ sở đầy đủ để kết luận rằng, thiếu sự phản ánh các nền tảng của pháp luật, ý nghĩa triết học của hiện thực pháp luật nói chung thì hệ thống triết học không thể được coi là có giá trị.

Cách tiếp cận thứ hai (Từ pháp luật đến triết học) xuất phát từ việc giải quyết các nhiệm vụ thực tiễn của luật học đến việc phản ánh chúng về mặt triết học. Ví dụ như từ ý nghĩa của những vấn đề pháp lý cụ thể: cơ sở của trách nhiệm hình sự, lỗi và trách nhiệm, việc thực hiện các hợp đồng, cam kết và những vấn đề khác, có thể đặt ra vấn đề nhận thức về bản chất của pháp luật. Ở đây, triết học pháp luật được hiểu như một hướng nghiên cứu độc lập trong luật học, như một trình độ nghiên cứu đặc trưng riêng về pháp luật. Ý nghĩa triết học như vậy của pháp luật được các nhà luật học nhận thức trong định hướng thực tiễn rộng lớn của nó mà ở đó, các nền tảng tư tưởng quan trọng của pháp luật được xem xét trong mối quan hệ chặt chẽ với pháp luật thực chứng. Đương nhiên, cả ở cách tiếp cận thứ nhất lẫn ở cách tiếp cận thứ hai, triết học pháp luật đều hướng đến việc làm sáng tỏ bản chất và ý nghĩa của pháp luật, các nền tảng và nguyên tắc được thể hiện trong pháp luật.

2.2. Vị trí của môn học triết học pháp luật

Do có hai cách hình thành nên triết học pháp luật, do vậy cũng có hai cách tiếp cận đến việc nhận thức vị trí của môn học này.

Cách tiếp cận thứ nhất coi triết học pháp luật là một bộ phận của triết học chung và xác định vị trí của nó cùng với các môn học như: Triết học đạo đức, triết học tôn giáo, triết học chính trị, triết học giá trị và các ngành triết học khác. Tương ứng với cách tiếp cận đó, triết học pháp luật là một bộ phận của triết học chung, bộ phận đó “ấn định” cho con người cách xử sự cần thiết với tư cách là một thực thể xã hội, tức là triết học thực tiễn, học thuyết về cái cần thiết, cái tất yếu.

Cách tiếp cận thứ hai coi triết học pháp luật là một ngành của khoa học pháp lý. Từ quan điểm này, triết học pháp luật là nền tảng lý luận cho việc hình thành pháp luật thực chứng và khoa học về pháp luật thực chứng. Ở đây, triết học pháp luật được hiểu là khoa học luận giải ý nghĩa của các nguyên tắc pháp luật và tư tưởng ở “bậc cuối cùng” của các quy phạm pháp luật.

Mỗi cách tiếp cận nói trên đều nhấn mạnh đến một trong hai phương thức có khả năng phản ánh về pháp luật. Phương thức thứ nhất đòi hỏi phải có sự phản ánh triết học chung hoặc phương pháp luận chung nhằm tìm hiểu những nền tảng tối đa, các điều kiện tồn tại của pháp luật, khi đó pháp luật có mối liên hệ chặt chẽ với các yếu tố cơ bản của tồn tại nhân loại - văn hóa, xã hội, khoa học... Phương thức thứ hai là sự phản ánh triết học chuyên ngành hoặc phương pháp luận chuyên ngành, đó cũng là sự phản ánh triết học, nhưng nó được thực hiện trong phạm vi của chính khoa học pháp lý.

Tính song phương như vậy của triết học pháp luật cũng được thể hiện ở việc đối với một số nước trên thế giới, nội dung về triết học pháp luật cũng có cả trong các khoa học triết học lẫn trong các khoa học pháp lý. Do vậy, cả nhà triết học lẫn nhà luật học đều có thể nghiên cứu triết học

pháp luật. Nói chính xác hơn, họ không phải nhà triết học đơn thuần mà là nhà triết học – nhà luật học, tức là nhà triết học đã được định hướng về mặt thực tiễn không chỉ đơn giản quan tâm đến chân lý tự nó mà còn quan tâm đến việc thực hiện các mục đích thực tiễn nhất định trong lĩnh vực pháp luật (ví dụ như đạt được trạng thái pháp luật của xã hội cụ thể), nếu như nhà luật học - nhà triết học cần phải biết những vấn đề thực tiễn của khoa học mình và có cái nhìn ngoài pháp luật về nó, tức là có cái nhìn của nhà triết học. Triết học pháp luật không khước từ việc nhận thức những vấn đề thuần túy mang tính chất pháp lý, nhưng cần phải vượt ra khỏi giới hạn của lĩnh vực đó, gắn các hiện tượng pháp luật với việc giải quyết những vấn đề chung hơn và mang tính nguyên tắc của triết học.

Do có những điều nói trên mà có thể có quan niệm cho rằng, có tồn tại hai triết học pháp luật: Một triết học pháp luật do các nhà triết học nghiên cứu, một triết học pháp luật do các nhà luật học nghiên cứu. Tương ứng với giả định đó, một số nhà nghiên cứu đề nghị phân biệt triết học pháp luật ở nghĩa rộng và triết học ở nghĩa hẹp⁴. Về thực chất, chỉ tồn tại một triết học pháp luật, cho dù nó được nuôi dưỡng và hình thành từ hai nguồn khác nhau. Nguồn thứ nhất là những nghiên cứu mang tính triết học chung về những vấn đề pháp luật. Nguồn thứ hai của nó gắn liền với kinh nghiệm giải quyết những vấn đề của pháp luật. Như vậy, triết học pháp luật là môn khoa học và môn học duy nhất có vấn đề nghiên cứu cơ bản của mình và chỉ đặt trong mối quan hệ với vấn đề cơ bản đó thì những vấn đề này hay

vấn đề khác mới có quan hệ với triết học pháp luật. Triết học pháp luật đòi hỏi nhà nghiên cứu lĩnh vực đó phải có những đặc điểm đặc biệt: Có khả năng kết hợp được những hiểu biết triết học mang tính nền tảng và sự hiểu biết những vấn đề lý luận cơ bản của lý luận pháp luật và thực tiễn.

Đương nhiên, từng nhà nghiên cứu cùng với những quan tâm nghề nghiệp của mình sẽ có những đóng góp nhất định cho sự phát triển của môn học này. Tuy nhiên, chính sự hiện có những quan điểm khác nhau, việc thường xuyên trao đổi với nhau, sự làm phong phú lẫn nhau và bổ sung cho nhau của chúng cho phép giữ được sự cân bằng xung quanh nhiệm vụ chung – phản ánh những nền tảng của pháp luật.

Để xác định cụ thể hơn vị trí của triết học pháp luật, cần xem xét một cách hợp lý các cách tiếp cận của những người đại diện cho các khuynh hướng, trào lưu triết học khác nhau đến vấn đề đó.

Trong hệ thống triết học của Hêghen, triết học pháp luật không đơn giản chỉ là một bộ phận của một trong những phần mang tính nền tảng của triết học mà bao quát toàn bộ những vấn đề triết học xã hội. Trong các hệ thống triết học khác, ví dụ như trong triết học của S. Frank, triết học pháp luật là một phần của triết học xã hội có tên gọi là đạo đức học xã hội.

Triết học phân tích (thực chứng) coi triết học pháp luật là một bộ phận hợp thành của triết học chính trị, không coi nó là một môn học độc lập. Trong triết học phương Tây hiện nay, những vấn đề của triết học pháp luật thường được xem xét trong phạm vi của nhân học triết học. Ngay cả triết học xã hội và triết học đạo đức, mà ở đó những vấn đề của triết học pháp luật được xem xét trong mối quan hệ với chúng cũng chịu sự biến đổi nhân

⁴ Ken. Garnick A. V., *Vấn đề về vị trí môn học của triết học pháp luật/ Triết học và xã hội học trong bối cảnh văn hóa hiện nay*. Dnepropetrovsk, 1988, tr. 186 (bản tiếng Nga).

học một cách đáng kể dưới sự ảnh hưởng của các khuynh hướng triết học như: Hiện tượng học đặc biệt, thần bí học, nhân học triết học, phân tích tâm lý học...

Do vậy, rất khó chỉ ra một phần triết học thống nhất nào đó, trong đó có một bộ phận hợp thành là triết học pháp luật. Nhưng hoàn toàn rõ ràng là triết học pháp luật có mối quan hệ chặt chẽ nhất với triết học xã hội, triết học chính trị, triết học đạo đức và nhân học triết học. Từng triết học đó đều nhấn mạnh đến một trong những yếu tố của sự hình thành và nghiên cứu về pháp luật: Yếu tố xã hội, yếu tố giá trị - đạo đức, yếu tố chính trị, yếu tố nhân học. Chẳng hạn, triết học chính trị xem xét vấn đề quyền lực là gì? Quyền lực và pháp luật có mối quan hệ như thế nào?. Triết học xã hội nghiên cứu vấn đề xã hội là gì? Xã hội và pháp luật có mối quan hệ như thế nào?. Triết học đạo đức luận giải vấn đề đạo đức là gì? Đạo đức và pháp luật có mối quan hệ như thế nào?. Nhân học triết học lý giải vấn đề con người là gì? Con người và pháp luật có mối quan hệ như thế nào?. Còn chính triết học pháp luật đặt ra vấn đề pháp luật là gì? Ý nghĩa của nó được thể hiện ở đâu?. Do vậy, triết học pháp luật quan tâm nghiên cứu những vấn đề và việc pháp luật có mối quan hệ như thế nào với những hiện tượng như quyền lực, xã hội, đạo đức và con người.

2.3. Mối tương quan của triết học pháp luật, lý luận chung về pháp luật và xã hội học pháp luật

Trong phạm vi của luật học, triết học pháp luật có mối quan hệ chặt chẽ nhất với lý luận chung về pháp luật và xã hội học pháp luật. Ba môn học này tạo thành tổng thể các môn học mang tính lý luận chung và phương pháp luận pháp luật. Sự hiện có của chúng gắn liền với sự tồn tại của ít nhất ba phương diện trong

chính pháp luật: Phương diện đánh giá – giá trị; phương diện giáo điều – hình thức và phương diện tính quyết định xã hội. Triết học pháp luật tập trung nghiên cứu sự phản ánh các nền tảng của pháp luật, lý luận chung về pháp luật tập trung nghiên cứu bộ máy khái niệm của pháp luật thực chứng, xã hội học pháp luật tập trung nghiên cứu những vấn đề về tính quyết định xã hội và hiệu quả xã hội của các quy phạm pháp luật và của hệ thống pháp luật nói chung.

Từ điều nói trên nảy sinh vấn đề: Những môn học đó là độc lập, tự trị hay tạo thành những phần của lý luận chung về pháp luật? Có thể giả định rằng, ở chừng mực nhất định, thuật ngữ “lý luận về pháp luật” có thể bao quát tất cả ba môn học, bởi vì chúng đề cập đến những phương diện lý luận chung của pháp luật: Triết học, xã hội học và pháp lý. Nhưng ở nghĩa khoa học chặt chẽ, thuật ngữ đó chỉ được áp dụng đối với khoa học pháp lý. Dự định hợp nhất ba định hướng nghiên cứu – đào tạo nói trên vào trong phạm vi của một môn học: Lý luận chung về pháp luật là không thể luận giải được về mặt khoa học và việc thực hiện giảng dạy môn học đó trong thực tiễn có thể đem đến những kết quả tiêu cực. Lý luận pháp luật, triết học pháp luật và xã hội học pháp luật hoàn toàn có khả năng làm phong phú và bổ sung cho nhau với tư cách là những môn học độc lập, tự trị. Sự kết hợp tiềm năng lý luận của chúng với mục đích bảo đảm tính toàn vẹn, chỉnh thể của hệ thống hiểu biết về pháp luật cần phải được thực hiện không phải bằng cách xây dựng một khoa học pháp lý duy nhất bao gồm ba quan điểm phương pháp luận khác nhau của nhà luật học, của nhà triết học và của nhà xã hội học, mà bằng cách trang bị những kiến thức nền tảng, cơ bản để các nhà luật học có

khả năng không chỉ hiểu sâu sắc chuyên ngành của mình mà còn phải nhìn nhận chuyên ngành của mình từ quan điểm triết học và xã hội học.

3. Về cơ cấu của triết học pháp luật

Theo cơ cấu của mình, triết học pháp luật gần với cơ cấu của triết học chung. Triết học pháp luật có thể có những nội dung cơ bản sau đây:

1. *Bản thể luận pháp luật* - nghiên cứu những vấn đề về bản chất của pháp luật và những nền tảng của nó, về sự tồn tại của pháp luật và các hình thức tồn tại của nó, về mối liên hệ của pháp luật với tồn tại xã hội và vị trí của pháp luật trong xã hội.

2. *Nhân học pháp luật* - nghiên cứu những nền tảng, cơ sở nhân loại của pháp luật, khái niệm “con người pháp luật”, quyền con người với tư cách là sự thể hiện giá trị cá nhân của pháp luật, cũng như vấn đề về vị trí của chế định quyền con người trong xã hội hiện nay, quyền con người trong xã hội cụ thể, mối tương quan của cá nhân và pháp luật...

3. *Nhận thức luận pháp luật* - nghiên cứu những đặc điểm của quá trình nhận thức trong lĩnh vực pháp luật, những giai đoạn cơ bản, những trình độ và phương pháp nhận thức trong pháp luật, cũng như thực tiễn pháp luật với tư cách là tiêu chuẩn của chân lý pháp luật.

4. *Giá trị học pháp luật* - nghiên cứu giá trị với tư cách là đặc điểm quyết định sự tồn tại của xã hội loài người, phương thức tồn tại của các giá trị, phân tích những giá trị pháp luật cơ bản (công lý, công bằng, tự do, bình đẳng, quyền con người v.v...), “thứ bậc” và các phương thức thực hiện chúng trong điều kiện của hiện thực pháp luật hiện nay. Giá trị học pháp luật cũng quan tâm đến những vấn đề về mối tương quan của pháp luật với các hình thái ý

thức xã hội có giá trị khác như đạo đức, chính trị, tôn giáo, tư tưởng pháp luật và thế giới quan pháp luật.

5. *Triết học pháp luật ứng dụng* - nghiên cứu những vấn đề triết học của luật hiến pháp (nhà nước pháp quyền, phân công quyền lực, kiểm soát quyền lực, tư pháp hiến pháp), của luật dân sự (hợp đồng, sở hữu), của luật hình sự (tội phạm, hình phạt, lỗi, trách nhiệm), của luật tố tụng hình sự và của các ngành pháp luật khác.

6. *Ngoài ra*, triết học pháp luật còn nghiên cứu cả *lịch sử tư tưởng triết học pháp luật* trong lịch sử phát triển của tư tưởng nhân loại.

4. Các chức năng của triết học pháp luật

Như mọi môn học triết học khác, triết học pháp luật có một số chức năng đặc trưng của mình. Các chức năng quan trọng nhất trong số đó là: Chức năng thế giới quan; chức năng phương pháp luận; chức năng phản ánh thông tin; chức năng giá trị; chức năng giáo dục.

Chức năng thế giới quan của triết học pháp luật thể hiện bằng việc hình thành ở con người quan điểm chung về thế giới pháp luật, hiện thực pháp luật với tư cách là một trong những phương thức tồn tại của nhân loại. Ở một mức độ nhất định, chức năng này giải quyết những vấn đề về bản chất và vị trí của pháp luật trong thế giới, các giá trị và tầm quan trọng của nó trong đời sống con người và xã hội nói chung, hay nói cách khác là hình thành nên thế giới quan pháp luật của con người.

Chức năng phương pháp luận của triết học pháp luật được thể hiện bằng việc hình thành những mô hình nhận thức nhất định về pháp luật, những mô hình đó tạo điều kiện cho sự phát triển các nghiên cứu pháp lý. Với mục đích đó, triết học pháp luật soạn thảo các phương pháp và các phạm trù mà dựa vào đó, các

nghiên cứu pháp lý cụ thể được thực hiện. Sự thể hiện tập trung nhất của chức năng phương pháp luận của pháp luật là hình thành nên hiểu biết hiện có về pháp luật dưới dạng phương thức tư duy về nó với tư cách là một cấu trúc ý nghĩa – nội dung – cấu trúc luận giải các tư tưởng cơ bản của pháp luật.

Chức năng phản ánh - thông tin bảo đảm việc phản ánh thích hợp về pháp luật với tư cách là khách thể đặc trưng, việc làm sáng tỏ các yếu tố cơ bản, các mối liên hệ cấu trúc, các quy luật của nó. Sự phản ánh đó được tổng hợp lại trong bức tranh của hiện thực pháp luật hoặc “trong hình ảnh của pháp luật”.

Chức năng giá trị của triết học pháp luật được thể hiện ở việc soạn thảo các quan niệm về các giá trị pháp luật như: Tự do, bình đẳng, công bằng, cũng như các quan niệm về tư tưởng pháp luật và giải thích hiện thực pháp luật từ các quan điểm của tư tưởng đó, phê phán cơ cấu và trạng thái của nó.

Chức năng giáo dục của triết học pháp luật được thực hiện trong quá trình hình thành ý thức pháp luật và tư duy pháp lý, thông qua việc soạn thảo các mục tiêu riêng của pháp luật, trong đó có thuộc tính quan trọng của cá nhân có văn hóa là định hướng đến sự công bằng và sự tôn trọng pháp luật.

Kết luận

1. Sự hiểu biết triết học về pháp luật là nhiệm vụ của môn học lý luận đặc biệt – triết học pháp luật. Môn học này có đối tượng nghiên cứu làm sáng tỏ ý nghĩa của pháp luật, cũng như luận giải nhận thức về ý nghĩa đó. Nó có những phạm trù cơ bản là tư tưởng, ý nghĩa, mục tiêu của pháp luật, công bằng, tự do, bình đẳng, sự công nhận, tính tự trị của cá nhân, quyền con người và các phạm trù khác.

2. Triết học pháp luật có cơ cấu phức tạp bao gồm: Bản thể luận pháp luật, nhận thức luận pháp luật, giá trị luận pháp luật, hiện tượng học pháp luật, nhân học pháp luật, triết học pháp luật ứng dụng và những bộ phận khác.

3. Triết học pháp luật, theo địa vị của mình, là môn học tổng hợp, giáp ranh ở giữa triết học và luật học. Trong phạm vi của luật học, triết học pháp luật có mối liên hệ chặt chẽ với lý luận pháp luật và xã hội học pháp luật.

4. Các chức năng của triết học pháp luật là chức năng thế giới quan, chức năng phương pháp luận, chức năng phản ánh – thông tin, chức năng giá trị, chức năng giáo dục.

5. Cần phải nghiên cứu triết học pháp luật và đưa triết học pháp luật vào chương trình giảng dạy trong hệ thống đào tạo triết học và luật học ở nước ta./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Võ Khánh Vinh, *Lợi ích xã hội và pháp luật*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội, 2003, 224 trang.
2. Võ Khánh Vinh, *Xã hội học pháp luật: Những vấn đề cơ bản*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2012, 576 trang.
3. Alekseev S.S, *Triết học pháp luật*, Mátxcova, 1997.
4. Bachinin V.A, *Triết học pháp luật và tội phạm*, Kharkov, 1999.
5. Garnik A.V, *Vấn đề về vị trí môn học của triết học pháp luật/ Triết học và xã hội học trong bối cảnh văn hóa hiện nay*, Dnepropetrovsk, 1988.
6. Kerimov D.A, *Phương pháp luận pháp luật (đối tượng, chức năng, những vấn đề triết học pháp luật)*, Mátxcova, 2000.
7. Nersesjanc V.S, *Triết học pháp luật*, Mátxcova, 1997.
8. Tiskhonravov Ju.V, *Những cơ sở của triết học pháp luật*, Mátxcova, 1997.